TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58 /2019/HNGĐ- ST
Ngày 14 – 8 - 2019
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Quý**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Lê Thị Hường** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ*** *tham gia phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Hồng -** Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 119/2019/TLST- HNGĐ ngày 11/6/2019 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXX-ST ngày 26/7/2019 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1983; HKTT và nơi cư trú: Thôn XT, xã TXT, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.Có mặt

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1977; HKTT và nơi cư trú: Thôn XT, xã TXT, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị V trình bày: Tôi và anh Nguyễn Ngọc M kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT ngày 23/3/2002. Sau khi kết hôn, chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nhưng tôi vẫn tiếp tục chung sống để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái. Đến năm 2017, mâu thuẫn gay gắt hơn, anh M thường xuyên uống rượu và gây sự với tôi, hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh M ghen tuông, nghi ngờ tôi quan hệ với người khác trong khi tôi không như vậy. Từ năm 2017, chúng tôi tuy sống chung nhà nhưng ly

thân, không có quan hệ vợ chồng. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh M.

Về con chung: có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/01/2003, Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/12/2004, Nguyễn Ngọc Thái TH, sinh ngày 22/8/2009. Sau khi ly hôn tôi xin được nuôi dưỡng cháu T và cháu TH vì cháu còn bé, cần sự chăm sóc; còn cháu Phương A đã lớn để anh M tiếp tục đảm nhiệm việc chăm sóc ,nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Tôi không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Ngọc M trình bày: Tôi và chị V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT ngày 23/3/2019. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc, có một vài mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Từ năm 2017, vợ chồng tôi bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đi xuống do vợ tôi thay đổi tính nết, có nhiều thay đổi. Chị V nhiều lần muốn bỏ tôi và làm đơn xin ly hôn sau đó lại rút đơn. Tôi xác nhận từ năm 2017, tôi và chị V ly thân tuy vẫn sống chung một nhà. Nay chị V có đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn do tôi vẫn còn yêu chị V và chúng tôi đã có 03 con chung.

Về con chung: có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/01/2003, Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/12/2004, Nguyễn Ngọc Thái TH, sinh ngày 22/8/2009. Tôi nhất trí với đề nghị của chị V sau ly hôn chị V nuôi dưỡng cháu T, cháu TH , tôi nuôi cháu Phương A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: tôi không yêu cầu giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56,58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị V được ly hôn anh M. Về con chung: Chị V được quyền nuôi dưỡng cháu T, cháu TH; anh M được quyền nuôi dưỡng cháu

Phương A; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Chị Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Ngọc M. Hiện anh Nguyễn Ngọc M đang cư trú tại Thôn XT, xã TXT, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28,điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Ngọc M thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT ngày 23/3/2002 là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị V và anh M đã phát sinh mâu thuẫn, theo chị V nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh M thường xuyên uống rượu và gây sự với chị V, ngoài ra anh M thường xuyên nghi ngờ chị quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, gây ra nhiều hiểu lầm, nhiều lần tỏ thái độ ghen tuông vô lý làm cuộc sống vợ chồng trở nên mệt mỏi. Theo anh M theo nguyên nhân mâu thuẫn từ năm 2017 chị V dần thay đổi tính nết, nhiều lần muốn bỏ anh và làm đơn xin ly hôn sau đó lại rút đơn, anh cũng nghi ngờ chị V có quan hệ với người đàn ông khác. Anh M và chị V đều thừa nhận hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị V xin ly hôn anh M không đồng ý ly hôn do anh còn yêu chị V và hai anh chị đã có 03 con chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh M không có biện pháp cải thiện tình trạng hôn nhân, mà thực tế chị V và anh M vẫn tiếp tục ly thân.

Tại phiên tòa chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh M. Xét thấy, chị V và anh M không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mà có sự nghi ngờ, không tôn trọng nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị V với anh M là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh M có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/01/2003, Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/12/2004, Nguyễn Ngọc Thái TH, sinh ngày 22/8/2009. Chị V có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng cháu T và cháu TH, giao cháu Phương A cho anh M nuôi dưỡng. Anh M không trình bày ý kiến của mình về việc nuôi dưỡng con trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, dù đã được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ. Quá trình giải

quyết vụ án, cháu Phương A, Phương Thảo, TH đều có nguyện vọng muốn ở với chị Vân.

Xét thấy, anh M và chị Vđều có công việc, thu nhập ổn định, tuy nhiên việc giao cả 03 con cho anh M hay chị V nuôi dưỡng là không đảm bảo quyền lợi của các con chung. Cháu T, cháu TH còn ít tuổi nên giao cho chị V được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T, cháu TH đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác, giao anh M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phương A đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Chị V, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Chị V và anh M không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56,58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chị **Nguyễn Thị V** được ly hôn anh **Nguyễn Ngọc M.**

2. Về con chung: Chị V và anh M có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/01/2003, Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/12/2004, Nguyễn Ngọc Thái TH, sinh ngày 22/8/2009.

Chị Nguyễn Thị V được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/12/2004, Nguyễn Ngọc Thái TH, sinh ngày 22/8/2009 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Nguyễn Ngọc M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 08/01/2003 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị V không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ,Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004082 ngày 11 tháng 6 năm 2019

Chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Ngọc M có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
TAND thành phố Hà Nội;
VKSND huyện (02 bản);
Các đương sự;
Lưu HS, VP
Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Quý